

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày 05/5/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Văn Khánh
2. Bà Nguyễn Thị Nhật Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân khu vực 5 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1984.
2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị Thu S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Văn Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2025, các tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:*

Bà và ông Trần Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã N, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 17/02/2003. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ và làm ảnh hưởng đến cuộc sống hằng ngày; mặc dù hai bên gia đình và bản thân bà cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung dẫn đến liên

tục cãi vã và phát sinh xung đột. Ngày 08/12/2025 ông Đ đã xua đuổi nên bà đã dọn ra khỏi nhà sống riêng từ đó cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm của bà với ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn ông Trần Văn Đ.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn Đ có 02 con chung tên Trần Nguyễn Hương G, sinh ngày 20/10/2011 và Trần Phú T, sinh ngày 09/6/2014. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Nguyễn Hương G và Trần Phú T. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung; không yêu cầu ông Đa cấp D nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Trần Văn Đ không có văn bản trình bày ý kiến.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn ông Trần Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Hương G, sinh ngày 20/10/2011 và cháu Trần Phú T, sinh ngày 09/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trần Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn C, huyện N (nay là xã N) tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 17/02/2003 nên hôn nhân của bà S và ông Đ là hợp pháp. Theo bà S trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ và làm ảnh hưởng đến cuộc sống hằng ngày; mặc dù hai bên gia đình và bản thân bà cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung dẫn đến liên tục cãi vã và phát sinh xung đột. Ngày 08/12/2025 ông Đ đã xua đuổi nên bà đã dọn ra khỏi nhà sống riêng từ đó cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm của bà với ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn ông Trần Văn Đ. Về phía ông Đ, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Đ không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà S. Điều này chứng tỏ ông Đ không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông và bà S. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu S về việc yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Đ.

[2.2] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Trần Văn Đ có 02 con chung tên Trần Nguyễn Hương G, sinh ngày 20/10/2011 và cháu Trần Phú T, sinh ngày 09/6/2014 hiện đang do bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Trần Nguyễn Hương G và Trần Phú T đều có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện nay do bà S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà S làm nghề tráng bánh, thu nhập hàng tháng của bà đủ điều kiện nuôi 02 cháu G và T. Mặc khác, ông Đ không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng các con. Do đó, giao 02 con chung Trần Nguyễn Hương G và Trần Phú T cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà S không yêu cầu ông Đ cấp D nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Thu S trình bày không có; ông Trần Văn Đ không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn ông Trần Văn Đ.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Trần Nguyễn Hương G, sinh ngày 20/10/2011 và Trần Phú T, sinh ngày 09/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thu S trình bày không có, ông Trần Văn Đ không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002757 ngày 04/12/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 5 - Quảng Ngãi;
- THADS Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- UBND xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa